**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ ĐIỆN BÀN**
**TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 04-7-2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp con chung "

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* ông Lê Minh Tân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Nam Hải;

Bà Võ Thị Lan.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Phạm Thị M, sinh năm 1992; cư trú tại: Thôn VT 3, xã ĐTB, thị xã ĐB, tỉnh QN(có mặt).

- *Bị đơn:* anh Lê Tự P, sinh năm 1992; cư trú tại: Thôn TQ4, xã ĐTT, thị xã ĐB, tỉnh QN (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 21/03/2018 và các lời khai có trong vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị M trình Bày:*

Chị Phạm Thị M và anh Lê Tự P kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐTT, thị xã ĐB, tỉnh QN vào 09/11/2016. Kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không lo làm ăn, không quan tâm tới gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vả, anh P lâm vào con đường ma

túy, chị M đã khuyên nhủ anh P nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi. Chị M đã về nhà cha mẹ ruột của mình tại xã ĐTB, thị xã ĐB sinh sống từ tháng 02/2018 đến nay. Chị M thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lê Tự P.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Tự Minh N, sinh ngày 03/6/2017. Hiện nay, con đang sống với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

*Tại bản tự khai ngày 10/5/2018, bị đơn anh Lê Tự P trình bày:*

Anh Lê Tự P và chị Phạm Thị M kết hôn với nhau ngày 09/11/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐTT, thị xã ĐB. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Chị M đã bồng con về nhà cha mẹ ruột tại xã ĐTB, ĐB sinh sống từ tháng 02/2018 đến nay. Anh P thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, có thể hàn gắn được nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Tự Minh N, sinh ngày 03/6/2017. Nếu ly hôn anh P không giành quyền nuôi con với chị M.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Riêng bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng tại Tòa án và Tòa án đã xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, cho chị M được ly hôn anh P; về con chung: Giao con Lê Tự Minh N, sinh ngày 03/6/2017 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động; chị M không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Phạm Thị M yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung đối với anh Lê Tự P, cư trú tại thôn TQ4, xã ĐTT, thị xã ĐB, tỉnh QN. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã ĐB,

tỉnh QN theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Tự P đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Toà án xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị M và anh Lê Tự P là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị M là do anh P không lo làm ăn, không quan tâm tới gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vả, anh P lâm vào con đường ma túy; anh P cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Do vợ chồng có mâu thuẫn nên chị M yêu cầu ly hôn anh P; anh P thấy tình cảm vẫn còn, có thể hàn gắn được nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần tổ chức hoà giải nhưng anh P không chấp hành triệu tập để tham gia phiên hòa giải. Qua xác minh tại địa phương, mặc dù không rõ mâu thuẫn của vợ chồng, nhưng xác định vợ chồng không còn chung sống với nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh P là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị M được ly hôn anh P.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Tự Minh N, sinh ngày 03/6/2017. Khi ly hôn, chị M yêu cầu trực tiếp nuôi con; anh P không giành quyền nuôi con với chị M.

Xét yêu cầu về nuôi con của các đương sự thì thấy: Khi vợ chồng sống ly thân thì con sống với chị M tại xã ĐTB; con chung hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, anh P không giành quyền nuôi con, đồng ý giao con cho chị M nuôi dưỡng. Để đảm bảo các điều kiện cho sự phát triển về thể chất và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần cho con, HĐXX thống nhất giao con Lê Tự Minh N cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Cấp dưỡng nuôi con chung: chị Phạm Thị M không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị M và anh P thống nhất khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Phạm Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị M đối với anh Lê Tự P. Chị Phạm Thị M được ly hôn anh Lê Tự P.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Lê Tự Minh N, sinh ngày 03/6/2017 cho chị Phạm Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị Phạm Thị M không yêu cầu anh Lê Tự P cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Tự P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: chị Phạm Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0008955, ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà M đã nộp đủ án phí

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự**.**

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- UBND xã ĐTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Tân**